

Phụ lục IV
DANH MỤC LOÀI THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH TẠI VIỆT NAM
(Áp dụng đối với quản lý giống thủy sản, quản lý nuôi trồng thủy sản, nhập khẩu thủy sản sống)

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. CÁC LOÀI CÁ

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
1	Cá ali	<i>Sciaenochromis ahli</i>
2	Cá anh vũ	<i>Semilabeo notabilis</i>
3	Cá ba lưỡ	<i>Barbichthys laevis</i>
4	Cá ba sa	<i>Pangasius bocourti</i>
5	Cá bả trầu	<i>Trichopsis vittata</i>
6	Cá bạc đầu	<i>Aplocheilus panchax</i>
7	Cá bảm đá	<i>Sewellia lineolata</i>
8	Cá bảm đá	<i>Sewellia speciosa</i>
9	Cá bánh lái/Cá cánh buồm	<i>Gymnocorymbus ternetzi</i>
10	Cá bảy màu/Cá khổng tước	<i>Poecilia reticulata</i>
11	Cá bẻ quýt/Cá bẻ vầu/Cá khế vây vàng	<i>Caranx ignobilis</i>
12	Cá bò	<i>Tachysurus fulvidraco</i>
13	Cá bống	<i>Spinibarbus denticulatus</i>
14	Cá bống bớp	<i>Bostrichthys sinensis</i>
15	Cá bống cát	<i>Glossogobius giuris</i>
16	Cá bống cau	<i>Butis butis</i>
17	Cá bông lau	<i>Pangasius krempfi</i>
18	Cá bông mắt tre/cá ống điều	<i>Brachygobius doriae</i>
19	Cá bông mít	<i>Stigmatogobius sadanundio</i>
20	Cá bông suối đầu ngắn	<i>Philypnus chalmersi</i>
21	Cá bông tượng	<i>Oxyeleotris marmorata</i>
22	Cá bơn cát	<i>Cynoglossus robustus</i>
23	Cá bơn mào	<i>Samaris cristatus</i>
24	Cá bơn ngộ	<i>Psettodes erumei</i>
25	Cá bơn vằn răng to	<i>Pseudorhombus arsius</i>
26	Cá bơn v	<i>Paralichthys olivaceus</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
27	Cá bóp biển/Cá giò	<i>Rachycentron canadum</i>
28	Cá bướm be dài	<i>Rhodeus ocellatus</i>
29	Cá bướm be nhỏ	<i>Acheilognathus elongatoides</i>
30	Cá bướm giả	<i>Pararhodeus kyphus</i>
31	Cá bướm sông đáy	<i>Acanthorhodeus dayeus</i>
32	Cá cam thoi	<i>Elagatis bipinnulata</i>
33	Cá cam vân/Cá cam sọc đen/Cá cu/Cá bè	<i>Seriolina nigrofasciata</i>
34	Cá cam/Cá cu/Cá cam sọc	<i>Seriola dumerili</i>
35	Cá cam/Cá thuyền/Cá cu cam/Cá cu cam sọc đen	<i>Naucrates ductor</i>
36	Cá cẳng ba chấm	<i>Terapon puta</i>
37	Cá cẳng mõm nhọn	<i>Rhynchopelates oxyrhynchus</i>
38	Cá cẳng sọc cong	<i>Terapon jarbua</i>
39	Cá cẳng sọc thẳng	<i>Terapon theraps</i>
40	Cá cần/đòng đong	<i>Barbodes semifasciolatus</i>
41	Cá cầu vòng	<i>Glossolepis incisus</i>
42	Cá cóc	<i>Cyclocheilichthys enoplos</i>
43	Cá cóc đậm	<i>Cyclocheilichthys apogon</i>
44	Cá còm (cá nòng hai)	<i>Chitala ornata</i>
45	Cá còm hoa (thác lác còm)	<i>Chitala blanci</i>
46	Cá cò đen	<i>Macropodus spechti</i>
47	Cá chạch bông lớn	<i>Mastacembelus favus</i>
48	Cá chạch bùn/Cá chạch Đài Loan	<i>Misgurnus anguillicaudatus</i>
49	Cá chạch khoang	<i>Macrognathus circumcinctus</i>
50	Cá chạch lá tre/Cá chạch gai	<i>Macrognathus aculeatus</i>
51	Cá chạch lửa	<i>Mastacembelus erythrotaenia</i>
52	Cá chạch rắn/Cá chạch lấu	<i>Macrognathus taeniagaster</i>
53	Cá chạch sông	<i>Mastacembelus armatus</i>
54	Cá chài	<i>Leptobarbus hoevenii</i>
55	Cá chành dục	<i>Channa gachua</i>
56	Cá chát vạch	<i>Acrossocheilus clivosius</i>
57	Cá chày mắt đỏ	<i>Squaliobarbus curriculus</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
58	Cá chẽm/Cá vược	<i>Lates calcarifer</i>
59	Cá chép	<i>Cyprinus carpio</i>
60	Cá chìa vôi biển	<i>Proteracanthus sarissophorus</i>
61	Cá chiên sông	<i>Bagarius yarrelli</i>
62	Cá chim	<i>Monodactylus argenteus</i>
63	Cá chim dơi bốn sọc	<i>Monodactylus sebae</i>
64	Cá chim đen	<i>Parastromateus niger</i>
65	Cá chim gai	<i>Psenopsis anomala</i>
66	Cá chim trắng cảnh (Silver dollar)	<i>Brachychalcinus orbicularis</i>
67	Cá chim trắng	<i>Pampus argenteus</i>
68	Cá chim trắng	<i>Piaractus brachypomus</i>
69	Cá chim vây vàng	<i>Trachinotus blochii</i>
70	Cá chim vây vàng (vây lưng ngắn)	<i>Trachinotus falcatus</i>
71	Cá chình châu Âu	<i>Anguilla anguilla</i>
72	Cá chình hoa	<i>Anguilla marmorata</i>
73	Cá chình mun	<i>Anguilla bicolor</i>
74	Cá chình Nhật Bản	<i>Anguilla japonica</i>
75	Cá chình nhon	<i>Anguilla borneensis</i>
76	Cá chọi/Cá xiêm/Cá phướn	<i>Betta splendens</i>
77	Cá chột	<i>Mystus gulio</i>
78	Cá chột bông	<i>Pseudomystus siamensis</i>
79	Cá chột sọc thường	<i>Mystus vittatus</i>
80	Cá chột vạch	<i>Mystus mysticetus</i>
81	Cá chuối hoa	<i>Channa maculate/Ophiocephalus maculatus</i>
82	Cá chuối/Cá sộp/Cá lóc	<i>Channa striata</i>
83	Cá chuồn bụng sắc	<i>Parazacco spilurus</i>
84	Cá chuồn bụng tròn	<i>Zacco platypus</i>
85	Cá chuồn cát	<i>Cypselurus poecilopterus</i>
86	Cá dĩa bông/Cá dĩa công	<i>Siganus guttatus</i>
87	Cá diếc	<i>Carassius auratus</i>
88	Cá diếc nhằng	<i>Tanichthys albonubes</i>
89	Cá diêu hồng	<i>Oreochromis spp</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
90	Cá dưa xám	<i>Muraenesox cinereus</i>
91	Cá dứa/Cá tra nghệ	<i>Pangasius kunyit</i>
92	Cá đầu lân kim tuyến	<i>Andinoacara pulcher</i>
93	Cá đỏ mang	<i>Systemus orphoides</i>
94	Cá đòng chấm	<i>Enteromius stigmatopygus</i>
95	Cá đòng đòng	<i>Barbodes semifasciolatus</i>
96	Cá đòng gai sông Đà	<i>Puntius takhoaensis</i>
97	Cá dôi mực	<i>Mugil cephalus</i>
98	Cá dù chấm	<i>Nibea maculata</i>
99	Cá dù đỏ/Cá hồng Mỹ	<i>Sciaenops ocellatus</i>
100	Cá dù trắng/Cá thù lù bạc	<i>Pennahia argentata</i>
101	Cá đục bạc	<i>Sillago sihama</i>
102	Cá đuôi cò nhọn	<i>Pseudosphromenus dayi</i>
103	Cá ét mọi	<i>Labeo chrysophekadion</i>
104	Cá hải long/cá ngựa nước ngọt	<i>Doryichthys boaja</i>
105	Cá hanh vàng/Cá bánh đường ba chấm/Cá tráp vàng	<i>Dentex tumifrons</i>
106	Cá hắc bạc/Cá chuồn sông/Cá chuồn xiêm	<i>Crossocheilus oblongus</i>
107	Cá hắc bỏ lữ	<i>Poecilia latipinna</i>
108	Cá hắc long	<i>Osteoglossum ferreirai</i>
109	Cá hắc ma quỷ/Cá lông gà	<i>Apteronotus albifrons</i>
110	Cá hề chấm đỏ/Cá hề/Cá gáy	<i>Lethrinus lentjan</i>
111	Cá he vàng	<i>Barbonymus schwanenfeldii</i>
112	Cá hề mõm dài	<i>Lethrinus miniatus</i>
113	Cá he đỏ	<i>Barbonymus altus</i>
114	Cá heo	<i>Syncrossus hymenophysa</i>
115	Cá heo chấm	<i>Syncrossus beauforti</i>
116	Cá heo chân	<i>Acantopsis dialuzona</i>
117	Cá heo hề/Cá chuột ba sọc	<i>Chromobotia macracanthus</i>
118	Cá heo râu	<i>Yasuhikotakia morleti</i>
119	Cá heo rừng	<i>Syncrossus helodes</i>
120	Cá heo vạch	<i>Yasuhikotakia modesta</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
121	Cá hoả khẩu	<i>Thorichthys helleri</i>
122	Cá hoà lan râu	<i>Poecilia sphenops</i>
123	Cá hoà lan tròn	<i>Poecilia velifera</i>
124	Cá hoàng đế	<i>Cichla ocellaris</i>
125	Cá hoàng kim	<i>Thorichthys aureus</i>
126	Cá hoàng tử Phi châu	<i>Labidochromis caeruleus</i>
127	Cá hô	<i>Catlocarpio siamensis</i>
128	Cá hồ	<i>Trichiurus lepturus</i>
129	Cá hồi vân	<i>Oncorhynchus mykiss</i>
130	Cá hồng	<i>Lutjanus erythropterus</i>
131	Cá hồng bạc	<i>Lutjanus argentimaculatus</i>
132	Cá hồng bốn sọc	<i>Lutjanus kasmira</i>
133	Cá hồng dải đen	<i>Lutjanus vitta</i>
134	Cá hồng đỏ	<i>Lutjanus sanguineus</i>
135	Cá hồng két	<i>Amphilophus labiatus</i> X <i>Heros severus</i>
136	Cá hồng kim/Cá hồng kiếm	<i>Xiphophorus maculatus</i>
137	Cá hồng mi Ấn Độ	<i>Sahyadria denisonii</i>
138	Cá hồng nhung	<i>Hyphessobrycon callistus</i>
139	Cá hồng vĩ	<i>Phractocephalus hemioliopterus</i>
140	Cá hú	<i>Pangasius conchophilus</i>
141	Cá huyết long/Cá rồng	<i>Scleropages formosus</i>
142	Cá huyết trung hồng (Zebra)	<i>Maylandia zebra</i>
143	Cá kèo/Cá bóng kèo	<i>Pseudapocryptes lanceolatus</i>
144	Cá két	<i>Phalacrotonus bleekeri</i>
145	Cá kim long Úc/Cá trăn châu long	<i>Scleropages leichardti</i>
146	Cá kìm sông	<i>Xenentodon cancila</i>
147	Cá kìm thơm bảy màu	<i>Cichlasoma salvini</i>
148	Cá Koi	<i>Cyprinus carpio rubrofusus</i>
149	Cá khoai	<i>Harpadon nehereus</i>
150	Cá khoang	<i>Yunnanilus cruciatus</i>
151	Cá khoang cổ	<i>Amphiprion frenatus</i>
152	Cá khoang cổ nemo	<i>Amphiprion ocellaris</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
153	Cá khùng long bông	<i>Polypterus ornatipinnis</i>
154	Cá khùng long vàng	<i>Polypterus senegalus</i>
155	Cá la hán/Cá trăn châu kỳ lân	<i>Vieja bifasciata</i>
156	Cá lăng chấm	<i>Hemibagrus guttatus</i>
157	Cá lăng đen	<i>Hemibagrus pluriradiatus</i>
158	Cá lăng đuôi đỏ	<i>Hemibagrus wyckioides</i>
159	Cá lăng nha	<i>Mystus wolffii</i>
160	Cá lăng vàng	<i>Mystus nemurus</i>
161	Cá leo	<i>Wallago attu</i>
162	Cá lim kìm ao	<i>Dermogenys pusilla</i>
163	Cá lóc bông	<i>Channa micropeltes</i>
164	Cá lòng tong	<i>Esomus danrica</i>
165	Cá lòng tong dị hình	<i>Trigonostigma heteromorpha</i>
166	Cá lòng tong đá	<i>Rasbora paviana</i>
167	Cá lòng tong đuôi đỏ	<i>Rasbora borapetensis</i>
168	Cá lòng tong lưng thấp	<i>Rasbora myersi</i>
169	Cá lòng tong mai	<i>Rasbora argyrotaenia</i>
170	Cá lòng tong mường	<i>Luciosoma bleekeri</i>
171	Cá lòng tong sắt	<i>Esomus metallicus</i>
172	Cá lòng tong sọc	<i>Rasbora trilineata</i>
173	Cá lòng tong vạch đỏ	<i>Rasbora retrodorsalis</i>
174	Cá lòng tong/Cá đuôi đỏ	<i>Rasbora lateristriata</i>
175	Cá lù đèn vàng lớn/Cá đỏ dạ/Cá sóc	<i>Larimichthys crocea</i>
176	Cá mai nam	<i>Laubuka laubuca</i>
177	Cá may	<i>Gyrinocheilus aymonieri</i>
178	Cá măng	<i>Elopichthys bambusa</i>
179	Cá măng biển	<i>Chanos chanos</i>
180	Cá măng rỏ	<i>Toxotes chatareus</i>
181	Cá măng rỏ (phun nước, cao xạ)	<i>Toxotes jaculatrix</i>
182	Cá mặt quỷ/Cá mang ếch	<i>Allenbatrachus grunniens</i>
183	Cá mây trắng	<i>Tanichthys albonubes</i>
184	Cá mè hoa	<i>Hypophthalmichthys nobilis</i>
185	Cá mè hôi	<i>Osteochilus melanopleurus</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
186	Cá mè lúi	<i>Osteochilus vittatus</i>
187	Cá mè trắng Hoa Nam	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i>
188	Cá mè trắng Việt Nam	<i>Hypophthalmichthys harmandi</i>
189	Cá mè vinh	<i>Barbonymus gonionotus</i>
190	Cá mở vệt	<i>Pseudoplatystoma fasciatum</i>
191	Cá mòi cờ hoa	<i>Clupanodon thrissa</i>
192	Cá mú (Cá song) chấm đen	<i>Epinephelus malabaricus</i>
193	Cá mú (Cá song) chấm đỏ	<i>Epinephelus akaara</i>
194	Cá mú (Cá song) chấm gai	<i>Epinephelus areolatus</i>
195	Cá mú (Cá song) chấm tổ ong	<i>Epinephelus merra</i>
196	Cá mú (Cá song) chấm vạch	<i>Epinephelus amblycephalus</i>
197	Cá mú (Cá song) chấm xanh/Cá mú trắng	<i>Plectropomus leopardus</i>
198	Cá mú (Cá song) chấm/Cá mú chấm xanh	<i>Epinephelus chlorostigma</i>
199	Cá mú (Cá song) chuột	<i>Cromileptes altivelis</i>
200	Cá mú (Cá song) dẹt	<i>Epinephelus bleekeri</i>
201	Cá mú (Cá song) đen chấm nâu	<i>Epinephelus coioides</i>
202	Cá mú (Cá song) hoa nâu/Cá mú cọp	<i>Epinephelus fuscoguttatus</i>
203	Cá mú (Cá song) lai/Cá mú trăn châu	♂ <i>Epinephelus lanceolatus</i> X ♀ <i>Epinephelus</i>
204	Cá mú (Cá song) mỡ/Cá mú ruồi	<i>Epinephelus tauvina</i>
205	Cá mú (Cá song) nghệ	<i>Epinephelus lanceolatus</i>
206	Cá mú (Cá song) sao	<i>Plectropomus maculatus</i>
207	Cá mú (Cá song) sáu sọc	<i>Epinephelus sexfasciatus</i>
208	Cá mú (Cá song) sáu sọc ngang	<i>Epinephelus fasciatus</i>
209	Cá mú (Cá song) vạch	<i>Epinephelus bruneus</i>
210	Cá mú vàng nước ngọt/Cá mú Úc	<i>Maccullochella peelii peelii</i>
211	Cá mùi/Cá hường	<i>Helostoma temminckii</i>
212	Cá mương gai	<i>Hainania serrata</i>
213	Cá mương nam	<i>Luciosoma setigerum</i>
214	Cá nạng hai	<i>Chitala chitala</i>
215	Cá nâu/Cá nâu	<i>Scatophagus argus</i>
216	Cá neon	<i>Paracheirodon innesi</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
217	Cá neon Việt Nam/cá lòng tong bến hải	<i>Tanichthys micagemmae</i>
218	Cá nóc da báo/Cá nóc beo/cá nóc da beo	<i>Dichotomyctere fluviatilis</i>
219	Cá nóc dài	<i>Pao leiurus</i>
220	Cá nóc mắt đỏ	<i>Carinotetraodon lorteti</i>
221	Cá nóc mít	<i>Pao palembangensis</i>
222	Cá ngạnh/cá ngạnh sông	<i>Cranoglanis boudierius</i>
223	Cá ngân long	<i>Osteoglossum bicirrhosum</i>
224	Cá ngọc long/Cá rồng Úc	<i>Scleropages jardinii</i>
225	Cá ngũ vân	<i>Desmopuntius pentazona</i>
226	Cá ngừ mắt to	<i>Thunnus obesus</i>
227	Cá ngừ vây vàng	<i>Thunnus albacares</i>
228	Cá ngựa chấm	<i>Hampala dispar</i>
229	Cá ngựa chấm	<i>Hippocampus trimaculatus</i>
230	Cá ngựa đen	<i>Hippocampus kuda</i>
231	Cá ngựa gai	<i>Hippocampus histrix</i>
232	Cá ngựa nam/Cá ngựa vạch	<i>Hampala macrolepidota</i>
233	Cá ngựa Nhật Bản	<i>Hippocampus mohnikei</i>
234	Cá ngựa thân trắng	<i>Hippocampus kelloggi</i>
235	Cá ngựa vằn	<i>Hippocampus comes</i>
236	Cá ngựa vằn/Cá sọc xanh	<i>Danio rerio</i>
237	Cá nheo Mỹ	<i>Ictalurus punctatus</i>
238	Cá nhệch	<i>Pisodonophis boro</i>
239	Cá nhỏ chảo	<i>Sarcocheilichthys nigripinnis</i>
240	Cá nhụ bốn râu	<i>Eleutheronema tetradactylum</i>
241	Cá ông điều	<i>Brachygobius sua</i>
242	Cá phèn trắng	<i>Polynemus longipectoralis</i>
243	Cá phèn vàng	<i>Polynemus paradiseus</i>
244	Cá quan đao	<i>Geophagus surinamensis</i>
245	Cá rầm nam	<i>Puntius brevis</i>
246	Cá rầm xanh	<i>Bangana lemasoni</i>
247	Cá rô biển	<i>Lobotes surinamensis</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
248	Cá rô biển nước ngọt	<i>Pristolepis fasciata</i>
249	Cá rô đồng	<i>Anabas testudineus</i>
250	Cá rô phi vằn	<i>Oreochromis niloticus</i>
251	Cá rô phi xanh	<i>Oreochromis aureus</i>
252	Cá sặc bướm	<i>Trichopodus trichopterus</i>
253	Cá sặc điệp/Cá sặc	<i>Trichopodus microlepis</i>
254	Cá sặc gấm	<i>Colisa lalia</i>
255	Cá sặc rần	<i>Trichogaster pectoralis</i>
256	Cá sặc trăn châu	<i>Trichopodus leerii</i>
257	Cá sặc vện	<i>Nandus nandus</i>
258	Cá sóc	<i>Oryzias latipes</i>
259	Cá sơn bầu	<i>Parambassis wolffii</i>
260	Cá sơn xiêm	<i>Parambassis siamensis</i>
261	Cá sủ đất	<i>Protonibea diacanthus</i>
262	Cá sủ	<i>Boesemania microlepis</i>
263	Cá tai tượng Phi châu	<i>Astronotus ocellatus</i>
264	Cá tai tượng/Cá phát tài/Cá hồng phát	<i>Osphronemus goramy</i>
265	Cá tầm Beluga	<i>Huso huso</i>
266	Cá tầm Nga	<i>Acipenser gueldenstaedtii</i>
267	Cá tầm Sterlet	<i>Acipenser ruthenus</i>
268	Cá tầm Trung Hoa	<i>Acipenser sinensis</i>
269	Cá tầm Xibêri	<i>Acipenser baerii</i>
270	Cá tuyết tiêu/Cá tuyết điêu	<i>Pseudotropheus socolofi</i>
271	Cá tứ vân	<i>Puntigrus tetrazona</i>
272	Cá tỳ bà bướm beo	<i>Sewellia elongata</i>
273	Cá tỳ bà bướm hổ	<i>Sewellia lineolata</i>
274	Cá thác lác/Cá thác lát	<i>Notopterus notopterus</i>
275	Cá thái hổ vằn/Cá hường vện	<i>Datnioides quadrifasciatus</i>
276	Cá thái hổ/Cá hường	<i>Datnioides microlepis</i>
277	Cá thanh ngọc	<i>Trichopsis pumila</i>
278	Cá thần tiên/Cá ông tiên	<i>Pterophyllum scalare</i>
279	Cá thè be dài	<i>Acheilognathus tonkinensis</i>
280	Cá thè be sông Đáy	<i>Acheilognathus longibarbus</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
281	Cá thiên đường/săn sắt/đuôi cò/lia thia	<i>Macropodus opercularis</i>
282	Cá thiếu	<i>Cultrichthys erythropterus</i>
283	Cá thòi lòi	<i>Periophthalmodon schlosseri</i>
284	Cá tra	<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>
285	Cá trà sọc	<i>Probarbus jullieni</i>
286	Cá tráp đen	<i>Acanthopagrus schlegelii</i>
287	Cá tráp vây vàng	<i>Acanthopagrus latus</i>
288	Cá trắm cỏ	<i>Ctenopharyngodon idella</i>
289	Cá trắm đen	<i>Mylopharyngodon piceus</i>
290	Cá trắng	<i>Barbodes binotatus</i>
291	Cá trắng	<i>Coregonus lavaretus</i>
292	Cá trên bầu	<i>Ompok bimaculatus</i>
293	Cá trên đá	<i>Kryptopterus cryptopterus</i>
294	Cá trên lá/Cá trên thủy tinh	<i>Kryptopterus bicirrhis</i>
295	Cá trên mỡ	<i>Phalacroglanis apogon</i>
296	Cá trê đen	<i>Clarias fuscus</i>
297	Cá trê phi	<i>Clarias gariepinus</i>
298	Cá trê trắng	<i>Clarias batrachus</i>
299	Cá trê vàng	<i>Clarias macrocephalus</i>
300	Cá trôi Ấn Độ	<i>Labeo rohita</i>
301	Cá trôi hai màu/Cá chuột đuôi đỏ/Cá chuồn hai màu	<i>Epalzeorhynchus bicolor</i>
302	Cá trôi mrigal	<i>Cirrhinus cirrhosus</i>
303	Cá trôi ta	<i>Cirrhinus molitorella</i>
304	Cá trôi Trường Giang	<i>Prochilodus lineatus</i>
305	Cá vây đỏ đuôi đỏ/Cá nút	<i>Epalzeorhynchus frenatus</i>
306	Cá vền	<i>Megalobrama terminalis</i>
307	Cá vồ cò	<i>Pangasius sanitwongsei</i>
308	Cá vồ đêm	<i>Pangasius larnaudii</i>
309	Cá vược lai	<i>Morone chrysops</i> X <i>Morone saxatilis</i>
310	Cá vược mõm nhọn	<i>Psammoperca waigiensis</i>
311	Cá xác sọc	<i>Pangasius nasutus</i>

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
312	Cá xẩm mắt bé	<i>Opsarius pulchellus</i>
313	Các loài thuộc Chi cá chuột	<i>Corydoras</i>
314	Các loài thuộc Chi cá đĩa	<i>Symphysodon</i>
315	Kuhli loach/Cá chạch suối Kuli	<i>Pangio kuhlii</i>
316	Lươn	<i>Monopterus albus</i>

II. CÁC LOÀI GIÁP XÁC

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
1	Cua biển	<i>Scylla paramamosain</i>
2	Cua cà ra	<i>Eriocheir sinensis</i>
3	Cua đồng	<i>Somanniathelphusa sinensis</i>
4	Cua hải quỳ	<i>Neopetrolisthes maculatus</i>
5	Cua hoàng đế	<i>Ranina ranina</i>
6	Cua xanh/Cua bùn	<i>Scylla serrata</i>
7	Ghẹ xanh	<i>Portunus pelagicus</i>
8	Rạm	<i>Varuna litterata</i>
9	Tôm bác sỹ	<i>Lysmata amboinensis</i>
10	Tôm càng sông	<i>Macrobrachium nipponense</i>
11	Tôm càng xanh	<i>Macrobrachium rosenbergii</i>
12	Tôm hải quỳ	<i>Ancyllocaris brevicarpalis</i>
13	Tôm hải quỳ hoàng đế	<i>Zenopontonia rex</i>
14	Tôm he Ấn Độ	<i>Penaeus indicus</i>
15	Tôm he Nhật Bản	<i>Penaeus japonicus</i>
16	Tôm hoa lan	<i>Hymenocera picta</i>
17	Tôm hùm bông	<i>Panulirus ornatus</i>
18	Tôm hùm đá	<i>Panulirus homarus</i>
19	Tôm hùm đỏ	<i>Panulirus longipes</i>
20	Tôm hùm lông/Tôm hùm Sói/Tôm hùm mốc	<i>Panulirus stimpsoni</i>
21	Tôm hùm ma	<i>Panulirus penicillatus</i>
22	Tôm hùm xám/Tôm hùm tre/Tôm hùm bùn	<i>Panulirus polyphagus</i>
23	Tôm hùm xanh/Tôm hùm sen/Tôm Hùm vằn	<i>Panulirus versicolor</i>
24	Tôm mũ ni	<i>Ibacus ciliatus</i>

25	Tôm mũ ni đỏ	<i>Scyllarides squammosus</i>
26	Tôm mũ ni trắng	<i>Thenus orientalis</i>
27	Tôm mùa/Tôm lột	<i>Penaeus merguensis</i>
28	Tôm nướng	<i>Penaeus chinensis</i>
29	Tôm rảo	<i>Metapenaeus ensis</i>
30	Tôm sọc hai càng	<i>Stenopus hispidus</i>
31	Tôm sú	<i>Penaeus monodon</i>
32	Tôm tít (Bề bề) harpax	<i>Harpisquilla harpax</i>
33	Tôm tít (Bề bề) interrupta	<i>Oratosquilla interrupta</i>
34	Tôm tít (Bề bề) nepa	<i>Miyakella nepa</i>
35	Tôm tít (Bề bề) woodmasoni	<i>Erugosquilla woodmasoni</i>
36	Tôm thẻ chân trắng	<i>Litopenaeus vannamei</i> / <i>Penaeus vannamei</i>
37	Tôm thẻ rằn	<i>Penaeus semisulcatus</i>

III. CÁC LOÀI NHUYỄN THỂ

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
1	Bàn mai	<i>Atrina pectinata</i>
2	Bào ngư bầu dục	<i>Haliotis ovina</i>
3	Bào ngư chín lỗ/Cửu không	<i>Haliotis diversicolor</i>
4	Bào ngư vành tai	<i>Haliotis asinina</i>
5	Các loài thuộc Họ ốc móng tay	<i>Solenidae</i>
6	Điệp	<i>Chlamys nobilis</i>
7	Điệp quạt	<i>Mimachlamys crassicostata</i>
8	Hàu (hàu) Belchery	<i>Crassostrea belcheri</i>
9	Hàu (hàu) cửa sông	<i>Crassostrea rivularis</i>
10	Hàu (hàu) Thái Bình Dương	<i>Crassostrea gigas</i>
10a	Hàu (hàu) sữa (Hàu/Hàu Bò Đào Nha)	<i>Crassostrea angulata</i>
11	Mực lá	<i>Sepioteuthis lessoniana</i>
12	Mực nang vân hổ	<i>Sepia pharaonis</i>
13	Mực ống Trung Hoa	<i>Uroteuthis (Photololigo) chinensis</i>
14	Ngán	<i>Austrielia corrugata</i>
15	Ngao (Nghêu) Bến Tre	<i>Meretrix lyrata</i>
16	Ngao (Nghêu) dầu	<i>Meretrix meretrix</i>
17	Ngao (Nghêu) Lụa	<i>Paratapes undulatus</i>

18	Ngao Bốn cạnh (Vọp)	<i>Mactra quadrangularis</i>
19	Ngao giá	<i>Tapes literatus</i>
20	Ngao hai cù	<i>Tapes dorsatus</i>
21	Ngao ô vuông	<i>Periglypta puerpera</i>
22	Ốc đá/Ốc mầu/Ốc Labi	<i>Monodonta labio</i>
23	Ốc đĩa/Ốc đẽ đen	<i>Nerita balteata</i>
24	Ốc gạo	<i>Assiminea lutea</i>
25	Ốc hương	<i>Babylonia areolata</i>
26	Ốc len	<i>Cerithidea obtusa</i>
27	Ốc nhồi	<i>Pila polita</i>
28	Sò huyết	<i>Tegillarca granosa</i>
29	Sò lông	<i>Anadara subcrenata</i>
30	Sò Nodi	<i>Tegillarca nodifera</i>
31	Tu hải	<i>Lutraria rhynchaena</i>
32	Trai cánh mỏng	<i>Cristaria plicata</i>
33	Trai cánh xanh	<i>Sinohyriopsis cumingii</i>
34	Trai cóc (traí com)	<i>Lamprotula leaii</i>
35	Trai ngọc môi đen	<i>Pinctada margaritifera</i>
36	Trai ngọc môi vàng/Trai tai tượng	<i>Pinctada maxima</i>
37	Trai ngọc nữ	<i>Pteria penguin</i>
38	Trai ngọc trắng/Trai mã thị	<i>Pinctada martensii</i>
39	Trai sông	<i>Sinanodonta eiliptica</i>
40	Trai tai nghé	<i>Tridacna squamosa</i>
41	Trai tai tượng lớn	<i>Tridacna maxima</i>
42	Trai tai tượng vàng nghé	<i>Tridacna crocea</i>
43	Vẹm xanh	<i>Perna viridis</i>
44	Vọp	<i>Geloina expansa</i>

IV. CÁC LOÀI BÒ SÁT, LƯỠNG CƯ

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
1	Ba ba gai	<i>Palea steindachneri</i>
2	Ba ba Nam Bộ	<i>Amyda cartilaginea</i>
3	Ba ba trơn/Ba ba hoa	<i>Pelodiscus sinensis/ Trionyx sinensis</i>
4	Ếch đồng	<i>Hoplobatrachus tigerinus</i>
5	Ếch Thái Lan	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i>

V. CÁC LOÀI DA GAI, GIUN ĐỐT

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
1	Cầu gai đá/Nhum đá	<i>Heterocentrotus mamillatus</i>
2	Cầu gai đen	<i>Diadema setosum</i>
3	Cầu gai sọ dừa/Nhum sọ	<i>Tripneustes gratilla</i>
4	Cầu gai tím	<i>Heliocidaris crassispina</i>
5	Cầu gai/Nhím biển	<i>Hemicentrotus pulcherrimus</i>
6	Giun nhiều tơ	<i>Perinereis nuntia</i>
7	Giun nhiều tơ	<i>Marphysa mossambica</i>
8	Giun nhiều tơ/Rươi biển/Dòi biển	<i>Perinereis nuntia var. brevicirris</i>
8a	Dòi cát Úc	<i>Perinereis helleri</i>
9	Hải sâm	<i>Apostichopus japonicus</i>
10	Hải sâm cát/Đồn đột	<i>Holothuria scabra</i>
11	Hải sâm đen mềm	<i>Holothuria leucospilota</i>
12	Hải sâm đen/Đồn đột đen	<i>Holothuria atra</i>
13	Hải sâm lựu	<i>Thelenota ananas</i>
14	Hải sâm mít hoa/Đồn đột dừa	<i>Actinopyga mauritiana</i>
15	Hải sâm mít/Đồn đột mít	<i>Actinopyga echinites</i>
16	Hải sâm vú	<i>Holothuria nobilis</i>
17	Rươi	<i>Tylorrhynchus heterochaetus</i>
18	Sá sùng/Trùng biển/Sâu đất	<i>Sipunculus nudus</i>

VI. CÁC LOÀI RONG

TT	Tên tiếng Việt Nam	Tên khoa học
1	Rong bắp sù	<i>Kappaphycus striatum</i>
2	Rong câu cước	<i>Gracilariopsis bailinae</i>
3	Rong câu chân vịt	<i>Hydropuntia eucheumatoides</i>
4	Rong câu chỉ	<i>Gracilaria tenuistipitata</i>
5	Rong câu thắt	<i>Gracilaria firma</i>
6	Rong hồng vân	<i>Betaphycus gelatinus</i>
7	Rong lá mơ lá dày	<i>Sargassum crassifolium</i>
8	Rong lá mơ Mucclurei	<i>Sargassum mcclurei</i>
9	Rong lá mơ nhiều phao	<i>Sargassum polycystum</i>
10	Rong mơ	<i>Sargassum oligocystum</i>
11	Rong mơ bìa đôi	<i>Sargassum duplicatum</i>

12	Rong mơ lá phao	<i>Sargassum mcclurei f. duplicatum</i>
13	Rong mơ Quy Nhơn	<i>Sargassum quinhonense</i>
14	Rong mơ swartzii	<i>Sargassum swartzii</i>
15	Rong nho	<i>Caulerpa lentillifera</i>
16	Rong sụn (Rong đỏ)	<i>Kappaphycus alvarezii</i>
17	Rong sụn gai	<i>Eucheuma denticulatum</i>

VII. CÁC LOÀI VI TẢO

TT	Tên khoa học
1	<i>Coscinodiscus excentricus</i>
2	<i>Coscinodiscus rothii</i>
3	<i>Cyclotella comta</i>
4	<i>Cyclotella stylorum</i>
5	<i>Cyclotella striata</i>
6	<i>Chaetoceros calcitrans</i>
7	<i>Chaetoceros gracilis</i>
8	<i>Chaetoceros muelleri</i>
9	<i>Chlorella vulgaris</i>
10	<i>Chroomonas salina</i>
11	<i>Diacronema lutheri</i>
12	<i>Dunaliella salina</i>
13	<i>Dunaliella tertiolecta</i>
14	<i>Haematococcus pluvialis</i>
15	<i>Isochrysis galbana</i>
16	<i>Melosira granulata</i>
17	<i>Nannochloropsis oculata</i>
18	<i>Navicula cancellata</i>
19	<i>Navicula cari f. cari</i>
20	<i>Nitzschia longissima</i>
21	<i>Phaeodactylum tricornutum</i>
22	<i>Rhodomonas salina</i>
23	<i>Schizochytrium limacinum</i>
24	<i>Schizochytrium mangrovei</i>
25	<i>Skeletonema costatum</i>
26	<i>Spirulina platensis</i>

27	<i>Tetraselmis convolutae</i>
28	<i>Tetraselmis chuii</i>
29	<i>Thalassionema frauenfeldii</i>
30	<i>Thalassionema nitzschioides</i>
31	<i>Thalassiosira pseudonana</i>
32	<i>Thalassiosira weissflogii</i>
33	<i>Thalassiothrix frauenfeldii</i>
34	<i>Thraustochytrium aureum</i>
35	<i>Thraustochytrium striatum</i>
36	Các loài thuộc chi <i>Labyrinthula</i>

VIII. CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT PHÙ DU

TT	Tên khoa học
1	<i>Acartia (Acanthacartia) tonsa</i>
2	<i>Artemia franciscana</i>
3	<i>Artemia monica</i>
4	<i>Artemia persimilis</i>
5	<i>Artemia salina</i>
6	<i>Artemia sinica</i>
7	<i>Artemia tibetiana</i>
8	<i>Artemia urmiana</i>
9	<i>Brachionus angularis</i>
10	<i>Brachionus calyciflorus</i>
11	<i>Brachionus plicatilis</i>
12	<i>Brachionus rotundiformis</i>
13	<i>Calanopia thompsoni</i>
14	<i>Daphnia magna</i>
15	<i>Daphnia pulex</i>
16	<i>Labidocera pavo</i>
17	<i>Moina dubia</i>
18	<i>Moina macrocopa</i>
19	<i>Moina micrura</i>
20	<i>Proales similis</i>

IX. CÁC LOÀI SAN HÔ

TT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
1	Các loài san hô mềm	<i>Alcyonium</i> sp.
2	Các loài san hô mềm	<i>Nephthea</i> sp.
3	Các loài san hô mềm	<i>Pachyclavularia</i> sp.
4	Các loài san hô mềm	<i>Sarcophyton</i> sp.
5	Các loài san hô nấm mềm	<i>Discosoma</i> sp.
6	Các loài san hô nấm mềm	<i>Rhodatis</i> sp.
7	Các loài san hô nút áo	<i>Zoanthus</i> sp.

X. TRƯỜNG HỢP KHÁC (CÁC LOÀI ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH TẠI VIỆT NAM)

1. Giống thủy sản được lai, chọn tạo từ các loài có tên trong danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam nêu trên đã được công nhận thông qua khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học và công nghệ hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
2. Giống thủy sản được sản xuất từ các loài chưa có tên trong danh mục này đã được công nhận thông qua khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học và công nghệ hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
3. Loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) có nguồn gốc nuôi, trồng tại cơ sở đã đăng ký mã số với Ban Thư ký CITES; loài thủy sản thuộc Phụ lục II, III CITES, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc hợp pháp theo quy định, trừ loài thuộc Phụ lục III Luật Đầu tư có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên.